

ĐỀ CƯƠNG CÔNG NGHỆ 10 CUỐI KÌ II 23-24

Câu 1: Các chi tiết có ren được sử dụng rộng rãi trong:

- A. Các đồ vật lớn và nặng
- B. Các mối ghép mềm
- C. Các máy móc, thiết bị và trong đời sống.
- D. Tất cả các đáp án trên.

Câu 2. Đối với ren nhìn thấy, dùng nét liền đậm vẽ:

- A. Đường đỉnh ren
- B. Đường giới hạn ren
- C. Cả A và B đều đúng
- D. Đáp án khác

Câu 3. Vòng chân ren được vẽ:

- A. Cả vòng
- B. 1/2 vòng
- C. 3/4 vòng
- D. 1/4 vòng

Câu 4: Ren ngoài còn gọi là:

- A. Ren trục
- B. Ren lỗ
- C. Ren tràn
- D. Ren lộ thiên

Câu 5: Ren dùng để làm gì?

- A. Ghép nối các chi tiết máy với nhau.
- B. Dùng để truyền chuyển động.
- C. Tạo nên phương thức kết nối bán dẫn
- D. Cả A và B.

Câu 6: Ren hệ mét được kí hiệu là gì?

- A. Metre
- B. M
- C. Sq
- D. Tr

Câu 7: Ren trong là ren:

- A. Được hình thành ở mặt ngoài.
- B. Được hình thành ở mặt trong của chi tiết.
- C. Ren tạo nên phương thức kết nối bán dẫn.
- D. Cả B và C.

Câu 8: Vòng chân ren của ren nhìn thấy được vẽ như thế nào?

- A. Vẽ hở bằng nét liền mảnh.
- B. Vẽ hở bằng nét liền đậm.
- C. Vẽ kín bằng nét chấm gạch.
- D. Vẽ kín bằng nét đứt mảnh.

Câu 9: Trường hợp ren bị che khuất thì:

- A. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét liền mảnh.
- B. Các đường đỉnh ren, chân ren và giới hạn ren đều được vẽ bằng nét đứt mảnh.
- C. Đường đỉnh ren và chân ren được vẽ liền mảnh còn giới hạn ren thì vẽ bằng nét đứt mảnh.
- D. Đường đỉnh ren và chân ren được vẽ bằng nét đứt mảnh còn giới hạn ren thì vẽ bằng nét liền mảnh.

Câu 10: Trong kí hiệu ren thì ghi những gì?

- A. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước đường kính của ren, bước của ren, hướng xoắn đối với ren trái.
- B. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước đường kính của ren, bước của ren, hướng xoắn đối với ren phải.
- C. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước bán kính ren, số vòng xoắn đối với ren trên.
- D. Kí hiệu hình dạng ren, kích thước bán kính ren, số vòng xoắn đối với ren dưới.

Câu 11: Kí hiệu 56 ± 0.1 khi ghi dung sai kích thước có nghĩa là:

- A. Kích thước thực là 56.0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55 đến 57.
- B. Kích thước thực là 56.0; kích thước sau khi gia công nằm trong khoảng 55.9 đến 56.1.
- C. Kích thước giới hạn lớn nhất là 57; giới hạn nhỏ nhất 55 và dung sai bằng 0.2.
- D. Kích thước giới hạn lớn nhất là 56.1; giới hạn nhỏ nhất bằng 55.9 và dung sai bằng 2.

Câu 12. Đường vòng đỉnh ren được vẽ bằng nét

- A. Đứt mảnh. B. Liên mảnh. C. Liên đậm. D. Gạch chấm mảnh.

Câu 13. Ren thang được kí hiệu

- A. M. B. Sq. C. Tr. D. Th.

Câu 14. Tại vị trí ren trục và ren lỗ ăn khớp với nhau

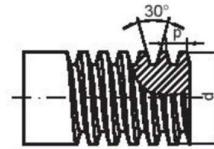
- A. Chỉ vẽ phần ren trục, không vẽ phần ren lỗ. C. Vẽ cả ren trục và ren lỗ.
B. Chỉ vẽ phần ren lỗ, không vẽ phần ren trục. D. Không vẽ cả ren trục và ren lỗ.

Câu 15. Ren trục và ren lỗ lắp được với nhau khi

- A. Dạng ren và đường kính ren như nhau.
B. Dạng ren, đường kính ren, hướng xoắn như nhau.
C. Dạng ren và hướng xoắn như nhau.
D. Dạng ren, đường kính ren, bước ren, hướng xoắn như nhau.

Câu 16. Hình bên cạnh là hình dạng của loại

- A. Ren hệ mét.
B. Ren vuông.
C. Ren thang.
D. Ren dài.



ren nào?

Câu 17. Ren ở hình bên là

- A. Ren ngoài.
B. Ren trong.
C. Ren giữa.
D. Ren trên.



Câu 18. Nội dung của bản vẽ chi tiết gồm

- A. Hình biểu diễn, kích thước, yêu cầu kĩ thuật.
B. Kích thước, yêu cầu kĩ thuật, khung tên, hình biểu diễn.
C. Yêu cầu kĩ thuật, khung tên, kích thước.
D. Khung tên, hình biểu diễn, yêu cầu kĩ thuật, hệ số biến dạng.

Câu 19. Đọc bản vẽ chi tiết để

- A. Biết tên gọi, công dụng, hình dáng, cấu tạo, kích thước, vật liệu và yêu cầu kĩ thuật.
B. Hiểu rõ những kích thước và hình dáng của chi tiết.
C. Nắm được những yêu cầu kĩ thuật khi gia công chi tiết.
D. Biết được cấu tạo, hình dáng, kích thước khi gia công chi tiết.

Câu 20. Quy trình lập bản vẽ kĩ thuật bao gồm bao nhiêu bước?

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 21. Bước 3 của quy trình lập bản vẽ chi tiết là:

- A. Tìm hiểu công dụng, yêu cầu kĩ thuật của chi tiết.
B. Chọn phương án biểu diễn
C. Vẽ các hình biểu diễn
D. Ghi kích thước, các yêu cầu kĩ thuật và nội dung khung tên.

Câu 22. Trên bản vẽ lắp, hình biểu diễn:

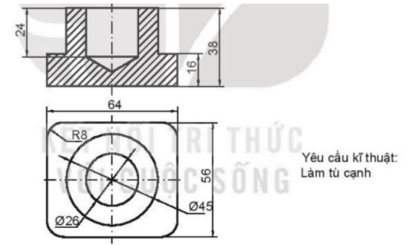
- A. Thể hiện hình dạng và vị trí của chi tiết trong sản phẩm
B. Gồm kích thước chung và kích thước lắp giữa các chi tiết.
C. Gồm thông tin tên các chi tiết, số lượng và vật liệu chế tạo
D. Gồm các nội dung quản lí bản vẽ, quản lí sản phẩm.

Câu 23. Chọn câu sai. Bản vẽ lắp được dùng để

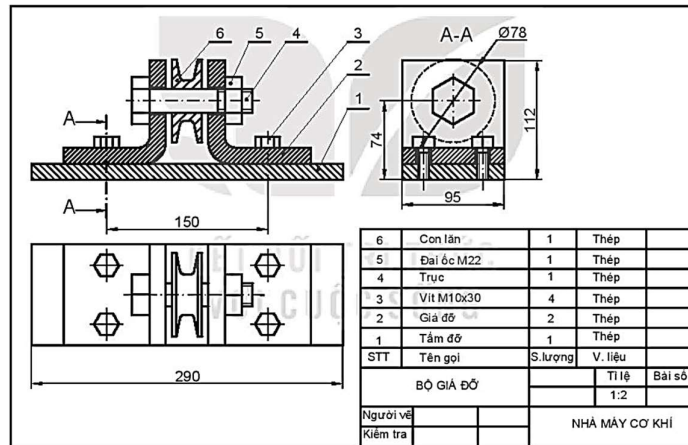
- A. lắp đặt sản phẩm. B. điều chỉnh sản phẩm.
C. thể hiện quy mô sản phẩm. D. vận hành sản phẩm.

Câu 24. Yêu cầu kỹ thuật của bản vẽ chi tiết ở hình bên là

- A. mạ kẽm.
- B. làm tù cạnh.
- C. bo góc.
- D. đục lỗ.



Câu 25. Bản vẽ lắp ở hình bên dưới có bao nhiêu chi tiết?



A. 2.

B. 4.

C. 6.

D. 8.

Câu 26. Quá trình thiết kế một công trình thường trải qua mấy giai đoạn?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

Câu 27. Một ngôi nhà thường có hình biểu diễn chính nào?

A. Mặt đứng, mặt cắt, mặt bằng.

B. Mặt cắt, mặt bằng.

C. Mặt bằng, mặt đứng.

D. Mặt đứng, mặt cắt.

Câu 28. Chọn phát biểu đúng:

A. Mỗi ngôi nhà chỉ có một mặt bằng

B. Nếu ngôi nhà có nhiều tầng thì phải có bản vẽ mặt bằng riêng cho từng tầng

C. Cứ 2 tầng thì có một mặt bằng

D. Đối với nhà có 2 tầng thì mặt bằng của 2 tầng giống nhau ở kí hiệu cầu thang.

Câu 29. Bước 1 của quy trình lập bản vẽ mặt bằng ngôi nhà là:

A. Vẽ hệ thống trục của các tường hoặc cột bằng nét gạch chấm mảnh.

B. Vẽ đường bao quanh của hệ thống các cột, tường và vách ngăn.

C. Vẽ kí hiệu cầu thang các tầng

D. Ghi kích thước

Câu 30. Bản vẽ xây dựng là

A. Bản vẽ mô tả các công trình xây dựng như nhà dân dụng, nhà công nghiệp, cầu đường, bến cảng, công trình thủy lợi.

B. Bản vẽ chỉ mô tả nhà dân dụng với các vị trí tương ứng trong ngôi nhà

C. Bản vẽ mô tả công trình thủy lợi cùng với các yêu cầu về sự vận hành của công trình

D. bản vẽ chỉ mô tả cầu đường, các con đường quan trọng của đất nước

Câu 31. Hãy cho biết trên bản vẽ nhà, đâu là kí hiệu cửa đơn 2 cánh?



Câu 32. Hình dưới đây là hình biểu diễn nào của một ngôi nhà?



- A. Mặt cắt. B. Mặt đứng. C. Mặt bằng. D. Mặt bên.

Câu 33. Về kỹ thuật với sự trợ giúp của máy tính là

- A. Sử dụng phần mềm để lập bản vẽ. B. Sử dụng giấy, bút để lập bản vẽ.
C. Sưu tầm các bản vẽ kỹ thuật. D. Tham khảo các bản vẽ kỹ thuật.

Câu 34. Giao diện thanh công cụ của phần mềm AutoCAD

- A. Là hàng chữ nằm trên cùng. B. Là vùng không gian lớn nhất ở trung tâm màn hình.
C. Nằm ngay bên dưới thực đơn. D. Nằm bên dưới vùng đồ họa.

Câu 35. Sắp xếp các bước thực hiện khi thiết lập bản vẽ bằng máy tính theo đúng trình tự.

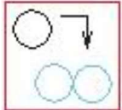
- 1 – Kết xuất bản vẽ. 2 – Tạo bản vẽ mới. 3 – Phân tích bản vẽ và tiến hành vẽ
4 – Khởi động phần mềm. 5 – Thiết lập các thông số ban đầu.
A. 1-2-3-4-5. B. 4-2-5-3-1. C. 4-2-1-5-3. D. 1-2-4-5-3.

Câu 36. Nút lệnh ở hình bên có chức năng

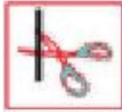
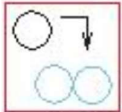
- A. vẽ đường thẳng.
B. vẽ đường tròn.
C. vẽ cung tròn.
D. vẽ hình chữ nhật.



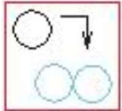
Câu 37. Để tạo bản copy ta sử dụng nút lệnh

- A.  B.  C.  D. 

Câu 38. Để tạo đối tượng song song ta sử dụng nút lệnh

- A.  B.  C.  D. 

Câu 39. Để bo góc ta sử dụng nút lệnh

- A.  B.  C.  D. 

Câu 40. Để vẽ đường tròn ta có thể gõ lệnh.....rồi bấm enter.

- A. Tr B. C C. Dt D. L

Câu 41: Bước 1 của quá trình thiết kế kỹ thuật

- A. Xác định vấn đề B. Tìm hiểu tổng quan
C. Xác định yêu cầu D. Đề xuất đánh giá

Câu 42: Hoạt động thiết kế có bước nào sau đây

- A. Xác định vấn đề B. Đề xuất, lựa chọn và thực hóa giải pháp
C. Thử nghiệm đánh giá và điều chỉnh giải pháp giải quyết vấn đề
D. Cả 3 đáp án trên

Câu 43: Thiết kế kỹ thuật cần vận dụng các lĩnh vực:

A. Toán học B. Khoa học tự nhiên C. Công nghệ D. Mọi lĩnh vực liên quan

Câu 44. Đặc điểm chung của người làm nghề thiết kế là gì?

A. Biết kế thừa B. Biết sáng tạo C. Biết kế thừa và sáng tạo D. Biết sao chép

Câu 45. Phương pháp nào được áp dụng vào giai đoạn xây dựng nguyên mẫu?

A. Sử dụng các phần mềm hỗ trợ B. Sử dụng các dụng cụ cầm tay và thiết bị gia công cơ khí
C. Sử dụng bảng kê nêu rõ các chi tiết làm nguyên mẫu của sản phẩm. D. Cả 3 đáp án trên

Câu 46. Trong thiết kế cần quan tâm điều gì?

A. Sử dụng vật liệu tái chế
B. Sử dụng vật liệu không có khả năng tái tạo trong thiết kế kỹ thuật
C. Lựa chọn vật liệu thông minh
D. Lựa chọn và sử dụng các vật liệu tái chế, tái sử dụng, vật liệu thông minh

Câu 47: Xác định một vấn đề về ảnh hưởng của tư thế ngồi của học sinh.

A. Đau nhức cơ thể B. Bệnh cong vẹo cột sống. C. Cận thị D. Bệnh quáng gà

Câu 48. Thiết kế nhằm mục đích gì?

A. Xác định hình dạng B. Xác định kích thước to lớn của sản phẩm cần làm ra
C. Xác định kết cấu và chức năng D. Đưa ra hình dạng, kích thước, kết cấu, chức năng của sp

Câu 49. Chọn phát biểu sai trong các phát biểu dưới đây?

A. Bản vẽ xây dựng gồm bản vẽ công trình xây dựng như nhà cửa, cầu đường, bến cảng,...
B. Bản vẽ xây dựng chỉ có bản vẽ nhà
C. Bản vẽ nhà là bản vẽ xây dựng hay gặp nhất
D. Bản vẽ nhà thể hiện hình dạng, kích thước, cấu tạo ngôi nhà

Câu 50: Công việc kiến trúc xây dựng là gì?

A. Thiết kế các tòa nhà thương mại, công nghiệp, viện nghiên cứu, khu dân cư, giải trí và lên kế hoạch giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.
B. Lên kế hoạch và thiết kế cảnh quan, không gian mở cho các dự án như công viên, trường học, tổ chức, đường giao thông, khu vực bên ngoài cho các khu thương mại, công nghiệp, khu dân cư; lập kế hoạch và giám sát việc xây dựng, bảo trì và khôi phục chúng.
C. Trang trí nội thất là lên kế hoạch và thiết kế nội thất nhà thương mại, công nghiệp, công cộng, bán lẻ và nhà ở để tạo ra một môi trường phù hợp với mục đích, có tính đến các yếu tố nâng cao môi trường sống, làm việc và xúc tiến bán hàng. Nhà thiết kế trang trí nội thất có cơ hội việc làm trong các công ti kiến trúc, nội thất, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, nhà hát, trường quay....
D. Còn gọi là nhà thiết kế mỹ thuật công nghiệp. Công việc chính của nghề này là thiết kế hình thức của các sản phẩm chúng ta thường sử dụng hàng ngày sao cho hấp dẫn, hiệu quả và kinh tế.

II. Tự luận:

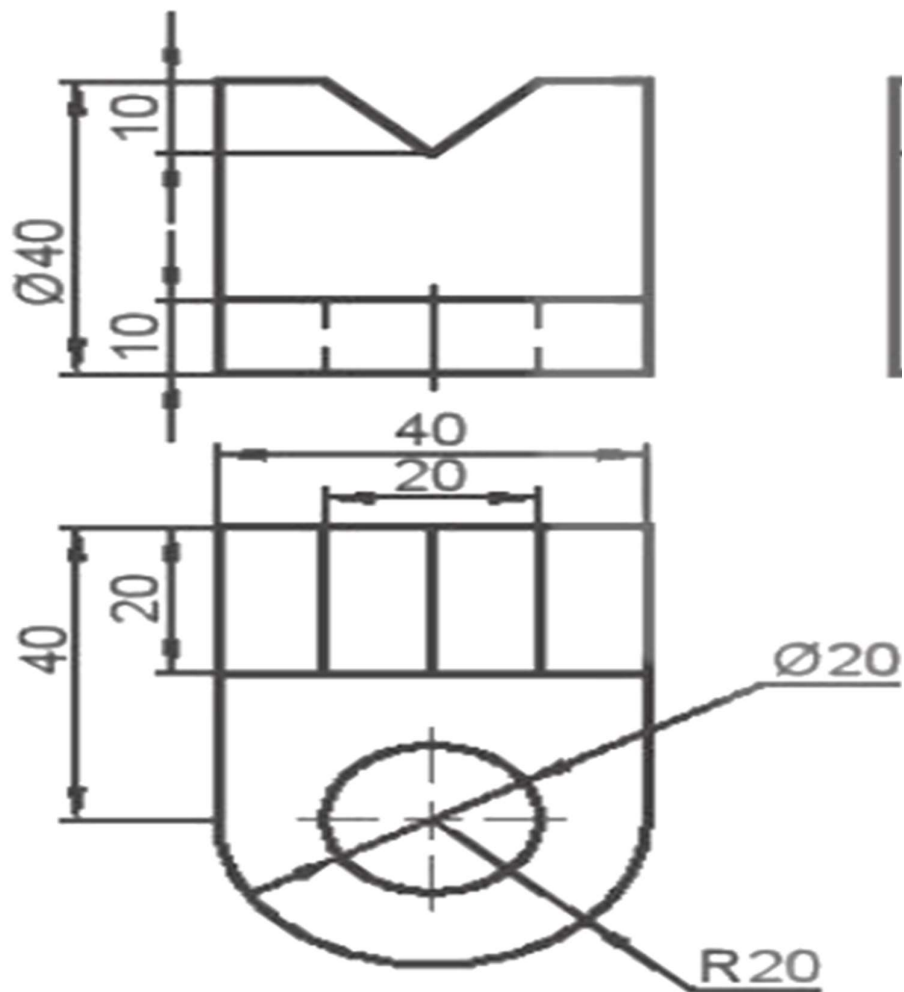
Câu 1: Đọc bản vẽ các mặt bằng tầng 1 và tầng 2 của ngôi nhà hai tầng (Hình 15.3 c, d) và cho biết:

1. Số phòng, chức năng, kích thước và trang thiết bị mỗi phòng.
2. Số lượng và chủng loại các cửa sổ và số cửa sổ.
3. Vị trí các bộ phận khác (hành lang, cầu thang, ban công...)



Hình 15.3. Bản vẽ nhà hai tầng

Câu 2: Vẽ hình chiếu thứ 3 (Chiếu cạnh) của các hình :11.18; 11.19 trang 70 SGK:



Câu 3. Ren ngoài, ren trong có tên gọi khác là gì?

Câu 4: Để đảm bảo phát triển bền vững, các kỹ sư thường tuân thủ nguyên tắc gì?